TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 7 năm

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP MÔN KỸ NĂNG MỀM

Môn học Kỹ năng mềm Khóa ngày: 08/5/2020 - 12/6/2020

Lớp: DH16TA2

STT	MSSV	Họ và Tên		Ký tên	Số tờ	Điểm c.cần 10%	Điểm giữa kỳ 30%	Điểm thi HP 60%	Điểm học phần	Bằng chữ	Ghi chú
1	1657010031	Nguyễn Thị Thanh	An			7.0	9.0	10.0	9.4		
2	1657010033	Phạm Hoài	Anh			7.0	8.5	9.5	9.0		
3	1657010081	Nguyễn Thị	Bé			7.0	7.5	8.5	8.1		
4	1657010083	Nguyễn Thị Thủy	Chung			5.0	7.5	8.5	7.9		
5	1657010129	Nguyễn Thị Phương	Dĩ			6.0	8.0	8.5	8.1		
6	1657010131	Trương Quốc	Duy			5.0	7.5	8.5	7.9		
7	1657010132	Nguyễn Mỹ	Duyên			4.0	7.0	7.0	6.7		
8	1650103017	Võ Thị Hồng	Hạnh			8.0	9.0	9.0	8.9		
9	1657010088	Trần Thị Kim	Hằng			6.0	8.0	9.0	8.4		
10	1657010041	Nguyễn Thị Thanh	Hằng			7.0	7.0	8.0	7.6		
11	1657010089	Trần Thị Thanh	Hoài			4.0	7.0	8.0	7.3		
12	1657010136	Trần Văn	Hoàng			8.0	9.0	9.0	8.9		
13	1657010042	Lưu Trần Lan	Hương			8.0	9.0	10.0	9.5		
14	1657010095	Dương Thị	Hy			5.0	8.0	9.0	8.3		
15	1657010096	Trang Thị Thanh	Liên			6.0	8.0	8.0	7.8		

STT	MSSV	Họ và Tên		Ký tên	Số tờ	Điểm c.cần 10%	Điểm giữa kỳ 30%	Điểm thi HP 60%	Điểm học phần	Bằng chữ	Ghi chú
16	1457010042	Lê Thị Kim	Liên			6.0	8.5	10.0	9.2		
17	1657010044	Lê Thị Hồng	Linh			5.0	8.0	10.0	8.9		
18	1657010045	Nguyễn Thị Kim	Loan			7.0	8.0	9.5	8.8		
19	1657010099	Phạm Bùi Trúc	Ly			8.0	9.0	9.0	8.9		
20	1657010143	Nguyễn Khắc Hoài	My			8.0	9.0	9.0	8.9		
21	1657010146	Lê Thị Thanh	Ngân			6.0	7.0	8.0	7.5		
22	1557010062	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc			9.0	10.0	10.0	9.9		
23	1657010149	Huỳnh Nguyễn Nam	Ngọc			7.0	8.0	8.5	8.2		
24	1657010150	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên			6.0	7.0	8.0	7.5		
25	1657010051	Hoàng Thị Ngọc	Nhi			7.0	9.0	9.0	8.8		
26	1657010151	Nguyễn Thị Mỹ	Nhiên			9.0	10.0	9.0	9.3		
27	1657010056	Nguyễn Đặng Ngọc	Quỳnh			7.0	8.0	10.0	9.1		
28	1657010156	Võ Thị Minh	Tâm			…	…	…	#VALUE!		
29	1657010155	Huỳnh Thị Minh	Tâm			8.0	9.0	9.5	9.2		
30	1657010160	Nguyễn Mỹ	Tiên			5.0	8.0	8.0	7.7		
31	1657010180	Nguyễn Thị Thủy	Tiên			5.0	7.0	8.0	7.4		
32	1657010161	Lê Thị	Tiệp			10.0	10.0	9.0	9.4		
33	1657010072	Phan Nghinh	Tử			5.0	7.0	8.0	7.4		
34	1657010108	Trương Thị Mỹ	Thanh			8.0	9.0	8.5	8.6		
35	1657010109	Nguyễn Gia	Thành			7.0	8.0	8.0	7.9		

STT	MSSV	Họ và Tên		Ký tên	Số tờ	Điểm c.cần 10%	Điểm giữa kỳ 30%	Điểm thi HP 60%	Điểm học phần	Bằng chữ	Ghi chú
36	1550103138	Nguyễn Thị Thanh	Thảo			8.0	9.0	9.0	8.9		
37	1657010114	Nguyễn Thị Bích	Thủy			6.5	8.0	8.0	7.9		
38	1657010158	Dương Minh	Thư			7.0	8.0	8.5	8.2		
39	1657010064	Nguyễn Nhật Minh	Thư			8.0	9.0	9.0	8.9		
40	1657010065	Trần Nguyễn Anh	Thương			9.0	9.0	9.0	9.0		
41	1657010068	Nguyễn Thị Thanh	Trang			4.0	7.0	8.0	7.3		
42	1657010168	Diệp Bảo	Trâm			3.0	…	…	#VALUE!		
43	1657010120	Hoàng Thị Thúy	Trinh			8.0	9.0	9.0	8.9		
44	1657010122	Lê Thị Ngọc	Trinh			9.0	10.0	10.0	9.9		
45	1657010121	Diệp Anh Hoàng	Trinh			3.0	…	…	#VALUE!		
46	1557010153	Nguyễn Phạm Đạo	Trong			8.0	7.5	8.5	8.2		
47	1657010126	Trần Thị Phương	Yến			8.0	8.0	9.0	8.6		

Xác nhận của Trung Tâm

TS. Phạm Thị Minh Hạnh